TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14**/2018/DS-PT
Ngày: 12-10-2018
V/v Tranh chấp về quyền sử dụng đất;
buộc tháo dỡ công trình xây dựng trên đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Duy

Ông Sùng A Xà

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Giáp Thị Bích Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Bà Lò Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại Trụ Sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2018/TLPT-DS ngày 18 tháng 5 năm 2018 về *"Tranh chấp về quyền sử dụng đất; buộc tháo dỡ công trình xây dựng trên đất";*

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2018/DS-ST ngày 17/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên bị kháng cáo .

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:16/2018/QĐ-PT ngày 16 tháng 8 năm 2018 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Đào Đức S, sinh năm 1942; Địa chỉ: Số nhà 63, tổ dân phố 22, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đào Đức S:* Ông Lê Đình T, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số nhà 52, tổ dân phố 04, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt

- *Bị đơn:* Ông Hà Duyên L, sinh năm 1968, vắng mặt có lý do và Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1969 có mặt; cùng trú tại địa chỉ: Số nhà 81, tổ dân phố 22, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Hà Duyên L và bà Nguyễn Thị Ng:* Ông Trần Quốc H, sinh năm 1963 và bà Hoàng Y, sinh năm 1961; Địa chỉ nơi làm việc: Văn phòng Luật sư Trần Quốc Hùng, Đoàn luật sư

thành phố Hà Nội, địa chỉ: Số 08, ngõ 66 đường Đ, Phường P, Quận Đ, thành phố Hà Nội, có mặt.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+) Bà Trần Thị H; Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Nhà hàng ăn uống Ngọc H, khách sạn Hàng Không, tổ dân phố 04, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

+) Bà Đào Thị N, sinh năm 1942; Địa chỉ: Số nhà 63, tổ dân phố 22, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đào Thị N: Ông Đào Đức S, sinh năm 1942; Địa chỉ: Số nhà 63, tổ dân phố 22, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Hà Duyên L, bà Nguyễn Thị Ng - là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/8/2017; đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 21/12/2017; lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Đào Đức S và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Đình T trình bày:

Năm 1988 gia đình ông Đào Đức S được UBND huyện Điện Biên cấp 300m^2 đất theo Giấy tạm cấp đất số: 75/QĐ-CĐ ngày 21/4/1988 của UBND huyện Điện Biên, tỉnh Lai Châu, có chiều dài 25m, chiều rộng 12m, các vị trí tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đất nhà ông P, phía Nam giáp đất xí nghiệp xây lắp nông nghiệp, phía Đông giáp đồi bãi cháy, phía Tây giáp nhà ông H. Sau đó gia đình ông S đã san đồi mở rộng mặt bằng thêm được 315m^2, theo Biên bản kiểm tra đất đai và hộ khẩu thị xã Đ ngày 08/9/1993 của Đoàn thanh tra tỉnh Lai Châu thì tổng diện tích đất của ông S là 615m^2. Đến năm 1996 ông S cho bà Trần Thị H (là em họ của bà Đào Thị N) ở nhờ một phần diện tích đất để cho con trai bà H nuôi lợn. Thửa đất ông S cho bà H ở nhờ có diện tích khoảng 100m^2. Đến năm 1999, bà H đề nghị với gia đình ông S cho gia đình ông L, bà Ng đến ở nhờ, ông S đồng ý. Trong quá trình ở nhờ, bà H và vợ chồng ông L, bà Ng đã làm giấy tờ chuyển nhượng nhà, đất cho nhau, gia đình ông S không biết. Đến năm 2000, bà H đi khỏi nơi cư trú do làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều; năm 2001 ông L nói với ông S đã nhận chuyển nhượng nhà, đất của bà H và có giấy tờ đầy đủ, có chứng thực của UBND phường M. Đến năm 2004, ông S phát hiện giấy chuyển nhượng nhà, đất lập ngày 15/6/1996 giữa bà H và ông S không có chữ ký của ông S. Sau đó ông S khởi kiện tại TAND thành phố Điện Biên Phủ vụ án được xét xử sơ thẩm ngày 26/7/2005, tại bản án số 09/2005/DSST, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã bác đơn khởi kiện của ông S, ông S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, ngày 21/12/2005 Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm (bản án số 12/2005/DSPT), hủy vụ án dân sự giao Tòa án nhân

dân thành phố Điện Biên Phủ giải quyết lại từ đầu. Vụ án sau đó bị đình chỉ giải quyết do bà H vắng mặt tại nơi cư trú; năm 2007 ông S thực hiện thủ tục đăng tin tìm kiếm bà H trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng không có kết quả; năm 2017 ông S yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ tuyên bố mất tích đối với bà Trần Thị H. Tại quyết định số 05/2017/QĐDS-ST ngày 26/7/2017 V/v yêu cầu tuyên bố một người mất tích của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã quyết định tuyên bố bà Trần Thị H mất tích. Vì vậy, căn cứ vào Giấy tạm cấp đất số: 75/QĐ-CĐ ngày 21/4/1988 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lai Châu; Giấy chuyển nhượng nhà, đất ngày 15/6/1996 giữa bà H và ông S có xác nhận của UBND phường M không có chữ ký của ông S; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, xác định thực trạng tài sản ngày 30/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ xác định toàn bộ diện tích thửa đất đang tranh chấp nằm trong diện tích đất ông S đã được cấp theo Giấy tạm cấp đất số: 75/QĐ-CĐ ngày 21/4/1988 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lai Châu; Bản kết luận giám định số: 592/QĐ-PC21 ngày 13/10/2005 của Tổ chức Giám định kỹ thuật hình sự tỉnh Điện Biên; Biên bản hòa giải ngày 22/01/2008 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ. Ông S và ông T yêu cầu ông L, bà Ng trả lại cho ông Đào Đức S thửa đất có diện tích 136,4m^2 tại địa chỉ số nhà 61, tổ dân phố 22, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên và yêu cầu gia đình ông Hà Duyên L, bà Nguyễn Thị Ng tháo dỡ toàn bộ phần tường bao xung quanh thửa đất trên.

Tại văn bản ngày 15/9/2017, văn bản ngày 19/01/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án sơ thẩm, bị đơn ông Hà Duyên L, bà Nguyễn Thị Ng trình bày:

Tháng 01 năm 1999 gia đình ông L nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị H ngôi nhà tạm 03 gian trên diện tích đất 100m^2 nhưng diện tích đất thực tế là khoảng 140m^2. Khi mua bán chuyển nhượng nhà, đất bà H giao cho ông Hà Duyên L, bà Nguyễn Thị Ng các tài liệu bao gồm: 01 biên lai thu phí trước bạ số 004588 ngày 27/5/1998 mang tên Trần Thị H; 01 Biên lai thu thuế chuyển quyền sử dụng đất số 001134 ngày 27/5/1998 mang tên Đào Đức S; 01 Giấy chuyển nhượng viết tay có nội dung chuyển nhượng đất của ông S cho bà H có chứng thực của UBND phường M, do ông Nguyễn Đức B ký vào ngày 28/5/1998; 01 bản photocopy giấy cấp đất mang tên Đào Đức S có công chứng.

Khi bàn giao nhà, đất ông L yêu cầu bà H mời gia đình ông S xuống chứng kiến vì mảnh đất ông L, bà Ng mua lúc đó có giáp ranh với đất nhà ông S, nhưng ông S không có nhà chỉ có bà N (vợ ông S) có mặt, khi đó các bên không làm biên bản bàn giao mốc giới. Từ khi chuyển đến sinh sống tại phố từ năm 1999 cho đến năm 2004 gia đình ông L, bà Ng ở và sinh hoạt như các gia đình khác, ông S với tư cách là trưởng phố đã kê khai thuế đất, các khoản thu nộp khác của gia đình ông L, bà Ng, ông S đều thực hiện giống như các gia đình khác trong phố. Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng nhà, đất của bà H, gia đình ông L, bà Ng tiến hành sửa chữa, như: Tôn nền, đổ đất, lát gạch hoa và xây thêm công trình phụ, ông S không có ý kiến gì. Việc kê khai đứng tên hộ gia

đình tại sổ bộ thuế của gia đình ông L cũng được ông S kê khai đầy đủ và gia đình ông L nộp thuế đất đầy đủ theo quy định của pháp luật từ năm 1999 đến nay.Việc tranh chấp chỉ bắt đầu xảy ra khi gia đình ông L chuẩn bị làm nhà (năm 2003), bà Ng mang toàn bộ giấy tờ có liên quan đến nhà, đất đi làm sổ đỏ. Từ khi phát sinh tranh chấp, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ và Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã giải quyết, vụ án sau đó bị đình chỉ giải quyết vụ án vào năm 2008. Đến năm 2017 ông S tiếp tục khởi kiện lại vụ án, ông L, bà Ng khẳng định: Mặc dù việc mua, bán nhà, đất giữa gia đình ông L, bà Ng với bà H chưa có đầy đủ thủ tục theo quy định, song đó là sự mua bán công khai. Việc mua bán diễn ra giữa vợ chồng ông L, bà Ng và bà H, không hề liên quan đến ông S. Vì vậy, ông L, bà Ng không đồng ý với yêu cầu khởi kiện cũng như yêu cầu sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của ông Đào Đức S đã trình bày ở trên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2018/DS-ST ngày 17/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 169; 170; 200; 202; 688 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điểm g khoản 1 Điều 100; điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai;

- Khoản 6 Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

- Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Đức S về việc: "Tranh chấp về quyền sử dụng đất, buộc tháo dỡ công trình xây dựng trên đất" đối với ông Hà Duyên L và bà Nguyễn Thị Ng.

* Buộc gia đình ông L, bà Ng phải trả lại cho ông Đào Đức S thửa đất có diện tích là 136,4m^2 tại địa chỉ: Số nhà 61, tổ dân phố 22, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Cụ thể thửa đất trên có vị trí các mặt tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Quốc T:20,79m (từ mốc M5 đến mốc M1).

- Phía Tây giáp đường bê tông 4,4m: 19,54m (từ mốc M3 đến mốc M4).

- Phía Nam giáp đường bê tông 4,9m: 7m (từ mốc M1 đến mốc M2; 1,8m; từ mốc M2 đến mốc M3: 5,2m).

- Phía Bắc giáp đất bà Hoàng Thị V: 6,81m (từ mốc M4 đến mốc M5).

Tổng cộng: **136,4m$^{2.}$**

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, xác định thực trạng tài sản ngày 30/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ và Mảnh trích đo địa chính số: 94 - 2018 ngày 01/02/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

* Buộc gia đình ông Hà Duyên L và bà Nguyễn Thị Ng phải tháo dỡ toàn bộ phần tường bao (tường 10 bổ trụ) có diện tích 73,72m^2 do ông L, bà Ng đã xây dựng trên diện tích đất 136,4m^2 của ông Đào Đức S tại địa chỉ: Số nhà 61, tổ dân phố 22, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Cụ thể:

- Mặt giáp đường 4,9m: Chiều dài 7m; chiều cao 1,9m;

- Mặt giáp đường 4,4m: Chiều dài 19,55m; chiều cao 1,9m;

- Mặt giáp đất của bà Hoàng Thị V: Chiều dài 6,55m; chiều cao 1,9m;

- Mặt giáp đất của ông Nguyễn Quốc T: Chiều dài 5,7m; chiều cao 1,9m;

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, xác định thực trạng tài sản ngày 30/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

* Tạm giao cho ông Đào Đức S được quyền quản lý, sử dụng phần bếp và công trình phụ do bà Trần Thị H xây dựng trên diện tích đất 136,4m^2 tại địa chỉ: số nhà 61, tổ dân phố 22, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

2. Đối với những vấn đề liên quan đến việc đòi quyền sử dụng đất giữa ông L, bà Ng, bà H; tranh chấp liên quan đến tài sản xây dựng trên đất tranh chấp giữa bà H, ông S, ông L, bà Ng và phần bếp, công trình phụ do bà H xây dựng trên diện tích đất 136,4m^2 nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác nếu các đương sự có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 27/4/2018, bị đơn ông Hà Duyên L và bà Nguyễn Thị Ng có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 17/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông Đào Đức S. Tại đơn kháng cáo sửa đổi bổ sung đề ngày 08/9/2018 ông L, bà Ng đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự số 07/2018/DS-ST ngày 17/4/2018 của TAND thành phố Điện Biên Phủ và đình chỉ giải quyết vụ án. Tại đơn kháng cáo sửa đổi bổ sung đề ngày 08/10/2018 ông L, bà Ng thay đổi yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án số 07/2018/DS-ST ngày 17/4/2018 của TAND thành phố Điện Biên Phủ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm cũng như tại phiên tòa ông Trần Quốc H, bà Hoàng Y là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Hà Duyên L và bà Nguyễn Thị Ng đề nghị: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng quy định tại khoản 3, 4 Điều 53 của BLTTDS khi phân công thẩm phán giải quyết vụ án đã từng là thư ký giải quyết vụ án vào năm 2005. Bỏ sót người tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 68 của BLTTDS. Việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, khách quan và chỉ căn cứ vào lời khai một phía để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S; việc có mặt của bà H là rất cần thiết cho việc giải quyết vụ án được khách quan. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xem xét làm rõ bản chất của vụ án, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự theo đúng quy định của pháp luật và chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L, bà Ng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 17/4/2018.

Cũng trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa ông Đào Đức S đề nghị: Ông S khẳng định 15 năm qua, ông chỉ khởi kiện đòi lại đất không hề kiện nội dung gì liên quan đến Hợp đồng vì ông chưa hề tham gia thiết lập hợp đồng nào liên quan đến thửa đất tranh chấp. Giấy chuyển nhượng nhà đất mang tên người bán là ông Đào Đức S và người mua là bà Trần Thị H không có chữ ký của ông S, không phải chữ ký của ông S. Việc bà H làm giấy bán đất cho anh L, chị Ng ông S không biết. Ông S đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên tuyên y án sơ thẩm.

Ông Lê Đình T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông S đề nghị: Mối quan hệ mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông S và bà H là không có thực. Mối quan hệ mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông S và bà H (nếu có) và quan hệ mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà H và ông L, bà Ng cũng hoàn toàn không độc lập mà có liên quan với nhau vì quan hệ này là hệ quả của quan hệ kia. Ông S có đầy đủ căn cứ pháp lý khẳng quyền S hữu đối với thửa đất trong khi ông L đang chiếm giữ không chứng minh được quyền S hữu tài sản của mình, việc ông S khởi kiện ông Hà Duyên L để đòi lại thửa đất là hoàn toàn đúng quan hệ pháp luật đang tranh chấp. TAND thành phố Điện Biên Phủ thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Việc bà H không tham gia tố tụng có khó khăn nhất định trong vụ án chứ không quyết định việc làm sáng tỏ vụ án. Các con của ông L, bà Ng không có quyền và nghĩa vụ gì trong việc mua bán nhà, đất với bà H vì Nhà nước chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông L, bà Ng; do đó TAND thành phố Điện Biên Phủ không bỏ sót người tham gia tố tụng không vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 68 của BLTTDS. Về giấy biên nhận vay tiền đề ngày 02/6/1998 giữa người vay là bà H, người cho vay là ông S có nội dung "bà H dùng 100m^2 đất để thế chấp" nội dung này là vô hiệu vì không đảm bảo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm không chỉ căn cứ vào duy nhất kết quả giám định số 592/QĐ-PC21 mà còn căn cứ vào các căn cứ khác và việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S là có căn cứ pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm không vi phạm tố tụng vì Thẩm phán được

phân công giải quyết vụ án thụ lý năm 2017, năm 2005 chỉ tham gia giúp việc cho Thẩm phán với tư cách là Thư ký trong phiên hòa giải và lấy lời khai mà không có quyết định phân công cụ thể. Từ đó, đề nghị HĐXX tuyên y án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đào Đức S.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm;

Về nội dung: Đơn kháng cáo hợp lệ được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm. Về nội dung kháng cáo: Trong vụ án thể hiện Thẩm phán tiến hành giải quyết xét xử vụ án năm 2017 trước đó đã là Thư ký tiến hành tố tụng trong vụ án thụ lý năm 2005, do đó theo quy định tại khoản 4 Điều 53 của BLTTDS năm 2015 Thẩm phán thuộc trường hợp phải từ chối hoặc phải bị thay đổi, tuy nhiên Thẩm phán đã tiến hành giải quyết, xét xử vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của đương sự. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét tính hợp pháp của giấy chuyển nhượng nhà đất, ngày 15/6/1996 và giấy chuyển nhượng nhà đất ngày 15/01/1999, không đánh giá tính liên quan, giá trị chứng minh của chứng cứ dẫn đến việc đánh giá chứng cứ không khách quan, không đầy đủ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các đương sự. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét giải quyết về hai hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/6/1996 giữa ông S và bà H và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà H ông L ngày 15/01/1999 vô hiệu thì mới giải quyết được triệt để nội dung vụ án; việc Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh thu thập chứng cứ, việc đánh giá chứng cứ chưa khách quan toàn diện, đầy đủ chứa chính xác, chưa đánh giá từng chứng cứ, sự liên quan giữa các chứng cứ và khẳng định tính hợp pháp, tính liên quan giá trị chứng minh của từng chứng cứ theo quy định tại Điều 97, Điều 108 BLTTDS. Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông Hà Duyên L và bà Nguyễn Thị Ng hủy bản án số 07/2018/DS-ST ngày 17/4/2018 của TAND thành phố Điện Biên Phủ và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Hà Duyên L, bà Nguyễn Thị Ng, lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Hà Duyên L và bà Nguyễn Thị Ng thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn đúng theo quy định tại các điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

Bà Trần Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất ngày 17/8/2018 để tham gia phiên tòa ngày 14/9/2018, do bà H đã có quyết định tuyên bố mất tích nên thủ tục tống đạt thực hiện thông qua niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 14/9/2018 có sự vắng mặt của ông Trần Quốc H, bà Hoàng Y là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hà Duyên L và bà Nguyễn Thị Ng và sự vắng mặt của bà Đào Thị N, bà Trần Thị H do đó HĐXX quyết định hoãn phiên tòa, phiên tòa được mở lại vào ngày 12/10/2018. Tại phiên tòa ngày hôm nay bà Trần Thị H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; ông Hà Duyên L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của BLTTDS năm 2015 HĐXX tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về tố tụng: Năm 2005 Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ thụ lý vụ án "Kiện đòi tài sản" giữa Nguyên đơn ông Đào Đức S và Bị đơn ông Hà Duyên L và bà Nguyễn Thị Ng, tại bản án số 09/2005/DSST ngày 26/7/2005 TAND thành phố Điện Biên Phủ đã bác yêu cầu khởi kiện của ông S; tại bản án số 12/2005/DSPT, ngày 21/12/2005 TAND tỉnh Điện Biên đã hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 09/2005/DSST của TAND thành phố Điện Biên Phủ; vụ án sau đó bị đình chỉ do chưa đủ điều kiện khởi kiện. Năm 2017 ông Đào Đức S khởi kiện lại vụ án, TAND thành phố Điện Biên Phủ thụ lý và phân công cho Thẩm phán giải quyết, xét xử vụ án mà trước đấy Thẩm phán này đã tiến hành tố tụng trong vụ án TAND thành phố Điện Biên Phủ thụ lý số 06/2005/TLST-DS ngày 03/11/2004 với tư cách là Thư ký (tiến hành ghi Biên bản hòa giải không thành ngày 03/11/2004 và ghi biên bản lấy lời khai của ông Đào Đức S ngày 03/11/2004). Như vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 53 của BLTTDS năm 2015 Thẩm phán thuộc trường hợp phải từ chối hoặc phải bị thay đổi, tuy nhiên Thẩm phán đã tiến hành giải quyết, xét xử vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của đương sự. HĐXX chấp nhận ý kiến của Bị đơn và đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa.

[4] Về thu thập chứng cứ: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiền hành thu thập chứng cứ là các tài liệu liên quan đến việc giải quyết vụ án như biên bản bàn giao lập ngày 07/3/2008 (BL195); biên bản hòa giải ngày 10/3/2008 (BL 196-197); biên bản giao nhận ngày 16/01/2008 (BL 198); biên bản hòa giải ngày 22/01/2008 (BL 199-201); biên bản xác định thực trạng tài sản thẩm định tại chỗ ngày 10/4/2008 (BL 202-204); biên bản xác minh ngày 22/6/2005 (BL 251a-252); biên bản xác minh ngày 22/6/2005 (BL 253-253a); biên bản xác minh ngày 21/7/2005 (BL 254); biên bản xác minh 23/7/2005 (BL 255-256); biên bản xác minh ngày 23/7/2005 (BL 257-258); biên bản làm việc ngày 25/7/2005 (BL 259) nhưng không thực hiện đúng theo quy định tại các khoản 2, 3, 5 Điều 97 của BLTTDS năm 2015.

[5] Về đánh giá chứng cứ và chứng minh: Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá các chứng cứ được thu thập không đúng theo quy định của pháp luật như biên

bản hòa giải ngày 22/01/2008 (BL 199-200), biên bản xác minh ngày 21/7/2005 (BL 254), biên bản làm việc ngày 25/7/2005 (BL 259); đánh giá chứng cứ không có giá trị pháp lý là Bản kết luận giám định số 592/QĐ-PC21 ngày 13/10/2005; xét tính hợp pháp của giấy chuyển nhượng nhà đất, ngày 15/6/1996 nhưng không khẳng định tính hợp pháp, tính liên quan, giá trị chứng minh của từng chứng cứ dẫn đến việc đánh giá chứng cứ không khách quan, toàn diện, không đầy đủ và chính xác ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các đương sự vi phạm Điều 108 của BLTTDS năm 2015. HĐXX chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa.

[6] Xét nội dung kháng cáo của ông Hà Duyên L và bà Nguyễn Thị Ng

Tại đơn kháng cáo sửa đổi bổ sung ngày 08/10/2018 ông L, bà Ng yêu cầu cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng khoản 4 Điều 53 của BLTTDS yêu cầu này phù hợp với nhận định của HĐXX và ý kiến của đại diện VKSND cần được chấp nhận. Về lý do Tòa án cấp sơ thẩm không đưa các con của ông L, bà Ng vào tham gia tố tụng là bỏ sót người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 4 Điều 68 của BLTTDS, xét thấy diện tích đất đang tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, HĐXX chấp nhận ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đào Đức S vì các con của ông L và bà Ng không có quyền và nghĩa vụ gì trong tranh chấp này, do đó Tòa án cấp sơ thẩm không vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 68 của BLTTDS. Về lý do Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Trần Thị H tham gia tố tụng thì không xác định được sự thật khách quan của vụ án, HĐXX thấy rằng, từ khi thụ lý vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa bà Trần Thị H tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và thực hiện việc triệu tập, tống đạt các quyết định, văn bản tố tụng của Tòa án đúng quy định tại Chương X của BLTTDS, do đó Tòa án cấp sơ thẩm không vi phạm thủ tục tố tụng.

[7] Trong đơn khởi kiện ngày 23/8/2017; đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 21/12/2017; lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như tại văn bản ý kiến ngày 06/6/2018, văn bản ý kiến ngày 06/8/2018, đơn đề nghị ngày 02/9/2018, văn bản ý kiến ngày 02/9/2018, đơn đề nghị ngày 20/9/2018 và lời trình bày tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Đào Đức S và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Đình Thu đều xác nhận giấy chuyển nhượng nhà đất lập ngày 15/6/1996 giữa ông Đào Đức S và bà Trần Thị H (giấy chứng nhận có chứng thực của UBND phường M) là giả mạo vì ông S không được ký vào giấy chuyển nhượng nhà đất này. Việc bà Trần Thị H chuyển nhượng nhà đất cho ông Hà Duyên L theo giấy chuyển nhượng nhà đất lập ngày 15/01/1999 (giấy chuyển nhượng không có công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền) là trái pháp luật.

Tại văn bản ngày 15/9/2017, văn bản ngày 19/01/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án sơ thẩm cùng như quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm ông Hà Duyên L, bà Nguyễn Thị Ng và người bảo vệ quyền

và lợi ích hợp pháp của mình xác nhận: Tháng 01 năm 1999 gia đình ông L nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị H ngôi nhà tạm 03 gian trên diện tích đất 100m^2 nhưng diện tích đất thực tế là 140m^2. Khi mua bán chuyển nhượng nhà, đất bà H giao cho ông Hà Duyên L, bà Nguyễn Thị Ng các tài liệu bao gồm: 01 Biên lai thu phí trước bạ số 004588 ngày 27/5/1998 mang tên Trần Thị H; 01 Biên lai thu thuế chuyển quyền sử dụng đất số 001134 ngày 27/5/1998 mang tên Đào Đức S; 01 Giấy chuyển nhượng viết tay có nội dung chuyển nhượng đất của ông S cho bà H có chứng thực của UBND phường M, do ông Nguyễn Đức B ký vào ngày 28/5/1998; 01 bản photocopy giấy cấp đất mang tên Đào Đức S công chứng.

Như vậy các bên đương sự đều thừa nhận diện tích đất đang tranh chấp có liên quan đến 02 giấy chuyển nhượng nhà, đất, cụ thể là giấy chuyển nhượng nhà đất giữa ông Đào Đức S và bà Trần Thị H lập ngày 15/6/1996 và giấy chuyển nhượng nhà đất giữa bà Trần Thị H và ông Hà Duyên L lập ngày 15/01/1999. Việc xem xét, đánh giá tính hợp pháp hai giấy chuyển nhượng nhà, đất nói trên là rất cần thiết. Tòa án cấp sơ thẩm không giải thích cho các đương sự hiểu ý nghĩa của việc xem xét và khẳng định tính hợp pháp của 02 giấy chuyển nhượng nhà đất nói trên là không giải quyết triệt để vụ án và làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự trong vụ án.

[8] Từ nhận định tại đoạn [3], [4], [5], [7] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ và chứng minh không theo quy định tại Chương VII của BLTTDS năm 2015 và có những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của BLTTDS năm 2015 cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hà Duyên L và bà Nguyễn Thị Ng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L, bà Ng tại phiên tòa phúc thẩm.

[9] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Hà Duyên L, bà Nguyễn Thị Ng không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của BLTTDS năm 2015

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Hà Duyên L, bà Nguyễn Thị Ng. Hủy toàn bộ bản án số 07/2018/DS-ST ngày 17/4/2018 của TAND thành phố Điện Biên Phủ và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Hà Duyên L và bà Nguyễn Thị Ng không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Hà Duyên L 300.000đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001805

ngày 27/4/2018 và hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ng 300.000đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001804 ngày 27/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND Tp Điện Biên Phủ (kèm HS);
- Chi cục THADS tp Điện Biên Phủ;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, HCTP TAND tỉnh.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PH TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hòa